

Số: 01/QĐ.CKNS-STTTT

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước
năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán chi ngân sách tỉnh cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh sử dụng ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 3548/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 3224/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024 (vốn đối ứng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 15/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự kinh phí hoạt động chuyên ngành năm 2024 đối với Sở Thông tin và Truyền thông.

Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 07/05/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2024 (đợt 1) đối với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng;

Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 24/05/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động chuyên ngành năm 2024 đối với Sở Thông tin và Truyền thông (đợt 2);

Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 24/05/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức năm 2024 đối với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện dự án Xây dựng hệ thống giám sát khai thác tài nguyên cát trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí thuê đơn vị xây dựng đơn giá sản xuất chương trình truyền hình, chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động chuyên ngành năm 2024 (đợt 3) đối với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức về ứng dụng công nghệ thông tin đối với Sở Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) cho các, đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán kinh phí thực hiện tăng mức lương cơ sở từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí ứng dụng Công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2024 (đợt 2) đối với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tiết kiệm, cắt giảm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt dự toán kinh phí chỉnh lý tài liệu tồn đọng, tích đọng và kinh phí sửa chữa hệ thống phòng cháy, chữa cháy đối với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán kinh phí đào tạo các lớp Trung cấp Lý luận chính trị hệ tập trung và không tập trung đối với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng và các phòng, đơn vị liên quan thuộc Sở tổ chức thực hiện Quyết định này. *lbr*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Công TTĐT của Sở;
- Lưu :VT, KT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Chiến

Đơn vị: Sở Thông tin và Truyền thông

Chương: 427

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ.CKNS-STTTT ngày 18/02/2025 của
Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	87	87	0	87
1	Số thu phí, lệ phí	87	87	0	87
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	87	87	0	87
1.2.1	Văn phòng Sở	87	87	0	87
1.2.2	Trung tâm Công nghệ số	0	0	0	0
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	87	87	0	87
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí	87	87	0	87
3.2.1	Văn phòng Sở	87	87	0	87
3.2.2	Trung tâm Công nghệ số	0	0	0	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	37.585	27.791	-9.794	27.791
1	Chi quản lý hành chính	16.645	14.871	-1.774	14.871
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.259	7.259	0	7.259
1.1.1	Văn phòng Sở	5.329	5.329	0	5.329

1.1.2	Trung tâm Công nghệ số	1.930	1.930	0	1.9300
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.386	7.612	-1.774	7.612
1.2.1	Văn phòng Sở	9.333	7.559	-1.774	7.559
1.2.2	Trung tâm Công nghệ số	53	53	0	53
1.2	Kinh phí cải cách tiền lương				
1.2.1	Văn phòng Sở				
1.2.2	Trung tâm Công nghệ số				
2	Nghiên cứu khoa học	10.563	6.960	-3.603	6.960
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.563	6.960	-3.603	6.960
2.3.1	- Văn phòng Sở	8.752	6.238	-2.514	6.238
2.3.2	- Trung tâm Công nghệ số	1.811	722	-1.089	722
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	866	133	-733	133
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	866	133	-733	133
3.2.1	- Văn phòng Sở	92	80	0	80
3.2.2	- Trung tâm Công nghệ số	774	53	-733	53
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.2.1	- Văn phòng Sở				
6.2.2	- Trung tâm Công nghệ số				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	4.518	3.157	-1.361	3.157
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.518	3.157	-1.361	3.157
9.2.1	- Văn phòng Sở	4.518	3.157	-1.361	3.157
9.2.2	- Trung tâm Công nghệ số				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu	4.993	2.670	-2.323	2.670
11.1	Văn phòng Sở	4.993	2.670	-2.323	2.670
11.1.1	Chương trình xây dựng mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023	1.513	927	-586	927
-	<i>Nội dung 09 thuộc thành phần số 02, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 - Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở. (Mã CTMT 0492)</i>	1.250	927	-323	927
-	<i>Nội dung 03 thuộc thành phần số 08, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 - Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới xã nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, năm 2023 (Mã CTMT 0498)</i>	263	0	-263	0
11.1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2023	2.911	1.727	-1.184	1.727
11.1.3	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023	569	16	-553	16